

Số: 326 /KH-UBND

Lĩnh Toại, ngày 07 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn xã Lĩnh Toại

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 27/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

UBND xã Lĩnh Toại ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn xã Lĩnh Toại (sau đây gọi tắt là Kế hoạch rà soát), với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2026¹ theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ về chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025; đồng thời đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Rà soát, xác định, lập danh sách và tổng hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 quy định tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ, làm căn cứ xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2027 - 2030.

- Cập nhật đầy đủ, kịp thời dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên hệ thống cơ sở dữ liệu hộ nghèo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 làm căn cứ thực hiện các cơ chế, chính sách theo quy định.

2. Yêu cầu

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền; sự giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội; được thực hiện từ thôn và trực tiếp đối với các hộ gia đình thuộc diện rà soát.

- Tổ chức rà soát đúng quy trình, đúng đối tượng, đúng tiến độ, bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, minh bạch, công bằng và dân chủ; không bỏ sót đối tượng, không chạy theo chỉ tiêu, thành tích; không để xảy ra tình trạng lợi dụng chính sách, xác định sai đối tượng hoặc làm sai lệch kết quả rà soát.

- Kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực tế tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và thực trạng đời sống của Nhân dân; bảo đảm hồ sơ, thủ tục, phương pháp và quy trình rà soát được thực hiện đầy đủ, chặt chẽ theo quy định.

- Việc rà soát, xác định và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030 được thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Bảo đảm việc thu thập, tổng hợp, cập nhật và quản lý dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo đầy đủ, chính xác, kịp thời; thực hiện đồng bộ, thống nhất giữa hồ sơ rà soát và dữ liệu trên hệ thống cơ sở dữ liệu theo quy định.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng

- Hộ gia đình theo quy định của Luật Cư trú²;

¹ Quyết định số 56/QĐ-UBND ngày 22/01/2026 của UBND xã Lĩnh Toại về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện các quyết định của UBND tỉnh, nghị quyết của Đảng ủy, HĐND xã Lĩnh Toại về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2026 và Công văn số 13265/SNNMT-PTNT ngày 29/7/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh.

² Luật Cư trú số 68/2020/QH14, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và tham gia thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

2. Phạm vi: Thực hiện rà soát, xác định trên địa bàn 14 thôn thuộc xã Lĩnh Toại.

III. NỘI DUNG, QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (theo chuẩn nghèo cũ)

1.1. Tiêu chí

Tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định có liên quan tại Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ.

1.2. Đối tượng rà soát

Toàn bộ hộ gia đình đang có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 do UBND xã Lĩnh Toại quản lý.

Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

1.3. Phương pháp rà soát, xác định tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện bằng phương pháp khảo sát, thu thập thông tin của hộ gia đình; chấm điểm, tổng hợp điểm để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình, bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

1.4. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

Quy trình rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo được thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Khoản 2 Điều 43 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Việc tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát thực hiện theo hệ thống biểu mẫu ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

1.5. Mẫu, biểu tổng hợp

Thực hiện theo Mẫu số 7.1 đến Mẫu số 7.11, Phụ lục VII ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 24/VBHN-BNNMT ngày 30/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2021 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.

(Chi tiết các biểu mẫu thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Kế hoạch này)

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 (theo chuẩn nghèo mới)

2.1. Tiêu chí

Việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo các tiêu chí quy định tại Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

2.2. Đối tượng rà soát

Hộ gia đình cư trú trên địa bàn xã Lĩnh Toại tại thời điểm rà soát.

Hộ gia đình có đề nghị rà soát, xác định và công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

2.3. Phương pháp rà soát, xác định tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

Việc rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 được thực hiện thông qua việc thu thập, kiểm tra, xác minh thông tin về tài sản, điều kiện sống, thông tin của các thành viên hộ gia đình và các thông tin có liên quan để chấm điểm, ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.4. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo

Việc rà soát định kỳ hằng năm được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Việc rà soát thường xuyên trong năm được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trong quá trình rà soát, các bước thu thập thông tin, chấm điểm, phân loại, kiểm tra, phúc tra và công nhận kết quả phải được thực hiện công khai, dân chủ, khách quan, chính xác, đúng đối tượng, đúng quy trình và đúng thời gian quy định.

2.5. Mẫu, biểu tổng hợp

Mẫu, biểu tổng hợp và báo cáo sơ bộ kết quả rà soát định kỳ hằng năm, rà soát thường xuyên trong năm thực hiện theo Mẫu số 3.1, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Mẫu, biểu tổng hợp và báo cáo chính thức kết quả rà soát định kỳ hằng năm thực hiện theo các Mẫu số từ 3.1 đến 3.10, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

(Chi tiết các biểu mẫu thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này)

3. Rà soát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

3.1. Năm 2026

Việc rà soát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 được thực hiện theo quy định tại

khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3.2. Giai đoạn 2027 - 2030

Việc rà soát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2027 - 2030 thực hiện trên cơ sở quy định, hướng dẫn của cơ quan Trung ương về tiêu chí xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 2027 - 2030 và hướng dẫn của UBND tỉnh.

Giao Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu UBND xã hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện việc rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình trên địa bàn xã bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chí, trình tự, thủ tục và thời gian quy định; kịp thời tham mưu, đề xuất UBND xã, Chủ tịch UBND xã xem xét, giải quyết những nội dung thuộc thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

IV. NHIỆM VỤ VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Nhiệm vụ chung

Ban hành Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn xã.

Giao Phòng Kinh tế chủ trì, tham mưu UBND xã phân công lực lượng phụ trách địa bàn các thôn; tham mưu thành lập Tổ giúp việc, Tổ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026; tham mưu Chủ tịch UBND xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và thực hiện cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

Tổ chức hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho các thành viên Tổ giúp việc, Tổ rà soát, cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo và cán bộ các thôn.

Tổ chức tuyên truyền về mục đích, yêu cầu, nội dung, tiêu chí, đối tượng và quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trong suốt thời gian thực hiện rà soát, bảo đảm người dân biết, tham gia và giám sát quá trình rà soát.

Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác rà soát tại các thôn; kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện; tổ chức thẩm tra, phúc tra, giải quyết hoặc tham mưu giải quyết các ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến kết quả rà soát theo thẩm quyền.

Tổ chức rà soát, xác định, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026; thực hiện các thủ tục công nhận theo quy định;

tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát theo các biểu mẫu, phụ lục kèm theo Kế hoạch này và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và các thông tin có liên quan lên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giảm nghèo theo quy định.

2. Thời gian rà soát và chế độ báo cáo

2.1. Tiến độ thực hiện

Từ ngày 01/9/2026 đến ngày 07/9/2026: UBND xã xây dựng, ban hành Kế hoạch rà soát; thành lập Tổ giúp việc, Tổ rà soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên; chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ công tác rà soát.

Ngày 08/9/2026: UBND xã tổ chức hội nghị tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 cho các lực lượng tham gia rà soát.

Từ ngày 09/9/2026 đến ngày 16/9/2026: Các thôn tổ chức triển khai rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030; rà soát, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 (nếu có).

Trong thời gian này, các thôn tập trung thu thập, cập nhật thông tin hộ gia đình, thực hiện chấm điểm, phân loại theo từng chuẩn nghèo; đồng thời tổng hợp kết quả sơ bộ theo yêu cầu của UBND tỉnh và tiếp tục hoàn thiện các bước họp dân, công khai, thẩm tra, phúc tra và hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định.

Ngày 17/9/2026: Các thôn hoàn thành, gửi kết quả rà soát sơ bộ về UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp, báo cáo kết quả sơ bộ về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Từ ngày 18/9/2026 đến ngày 20/9/2026: Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị, bộ phận có liên quan tổng hợp kết quả rà soát sơ bộ trên địa bàn toàn xã; kiểm tra, đối chiếu số liệu, hoàn thiện báo cáo và tham mưu UBND xã báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo yêu cầu.

Từ ngày 01/10/2026 đến ngày 31/10/2026: Các thôn tổ chức họp thống nhất kết quả rà soát trên địa bàn thôn; thực hiện công khai kết quả rà soát theo quy định. UBND xã tổ chức họp, kiểm tra, thẩm tra kết quả rà soát và niêm yết công khai kết quả rà soát trên địa bàn toàn xã; tiếp nhận, xem xét, giải quyết các ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo (nếu có) theo quy định.

Từ ngày 01/11/2026 đến ngày 31/12/2026: UBND xã, các thôn và Tổ giúp việc tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 327/KH-UBND ngày 26/8/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, Đảng ủy và UBND xã.

UBND xã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục, quyết định công nhận kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ năm 2026; tổng hợp, báo cáo chính thức kết quả rà soát trên địa bàn xã gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Hồ sơ, báo cáo chính thức gồm: kết quả rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; văn bản thống nhất kết quả rà soát của Ban Thường vụ Đảng ủy xã; văn bản đối soát của Công an xã về kết quả rà soát với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đánh giá kết quả giảm nghèo so với kết quả rà soát cùng kỳ năm trước và các tài liệu có liên quan theo yêu cầu.

UBND xã thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác kết quả rà soát lên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giảm nghèo tại địa chỉ <https://csdlhn.mae.gov.vn>; hoàn thiện hồ sơ, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường để thực hiện thẩm định, phê duyệt kết quả cấp tỉnh theo quy định.

2.2. Chế độ báo cáo

Các thôn chịu trách nhiệm báo cáo kết quả rà soát theo đúng thời gian, biểu mẫu và nội dung yêu cầu của UBND xã. Phòng Kinh tế có trách nhiệm tổng hợp, kiểm tra, đối chiếu số liệu, tham mưu UBND xã báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh vấn đề vượt thẩm quyền, các thôn và các bộ phận có liên quan kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp, tham mưu giải quyết hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025

- Về nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 được chuyển nguồn để thực hiện trong năm 2026 theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 257/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

- Về nội dung, mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định có liên quan tại Điều 78, Điều 79 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- Về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí: Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030

- Về nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao năm 2026 theo phân cấp ngân sách hiện hành, bao gồm nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững

và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 (nếu được bố trí).

- Về nội dung chi: Trường hợp sử dụng nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Thông tư số 23/2026/TT-BNNMT ngày 23/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đối với các nguồn kinh phí khác, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Về mức chi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định hiện hành có liên quan.

- Về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, Điều 3 Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các quy định pháp luật có liên quan.

- Về nguyên tắc sử dụng kinh phí: Việc quản lý, sử dụng kinh phí phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; thực hiện tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ giúp việc rà soát của xã

Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và đôn đốc các thôn được phân công thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026; kiểm tra việc ghi phiếu của Tổ rà soát, bảo đảm đầy đủ, chính xác, đúng quy định.

Chủ trì, phối hợp với Tổ trưởng Tổ rà soát tại các thôn tổng hợp, kiểm tra kết quả rà soát sơ bộ; báo cáo UBND xã (qua Phòng Kinh tế) theo thời gian quy định.

Giúp UBND xã tổng hợp các biểu mẫu, số liệu kết quả rà soát cấp xã theo địa bàn được phân công phụ trách.

Kịp thời hướng dẫn hoặc phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình rà soát; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo UBND xã xem xét, chỉ đạo.

2. Phòng Kinh tế

Chủ trì tham mưu UBND xã phân công lực lượng phụ trách các thôn; thành lập Tổ giúp việc, Tổ rà soát; phân công rõ trách nhiệm của từng thành viên trong việc chỉ đạo, theo dõi, giám sát, đôn đốc, kiểm tra công tác rà soát, bảo đảm đúng tiến độ, quy trình, công khai, dân chủ và minh bạch.

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan tham mưu UBND xã tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn xã.

Tham mưu UBND xã tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình cho các thành viên Tổ giúp việc, Tổ rà soát, cán bộ phụ trách công tác giảm nghèo và cán bộ các thôn.

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan hướng dẫn việc xác định các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thuộc lĩnh vực được phân công, gồm: môi trường, nước sinh hoạt, công trình vệ sinh, thu gom rác thải, nhà ở và diện tích nhà ở bình quân đầu người theo quy định.

Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các thôn triển khai thực hiện công tác rà soát bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chí, quy trình và thời gian quy định; kịp thời tham mưu UBND xã hướng dẫn, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Tham mưu UBND xã tổ chức kiểm tra, thẩm tra, phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong trường hợp kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có ý kiến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định.

Chủ trì tổng hợp kết quả rà soát; tham mưu UBND xã hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo thẩm quyền; tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan cập nhật kết quả rà soát lên Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về giảm nghèo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại địa chỉ <https://csdlhn.mae.gov.vn>.

Phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã tham mưu bảo đảm kinh phí phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 theo quy định.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Cung ứng dịch vụ công và các đơn vị có liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, tiêu chí, phương pháp, quy trình và công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030.

Hướng dẫn xác định các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản thuộc lĩnh vực phụ trách, gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; bảo hiểm y tế; sử dụng dịch vụ viễn thông và các chỉ số khác theo quy định.

Phối hợp với Trạm Y tế, các cơ sở giáo dục, doanh nghiệp viễn thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan xác minh thông tin về tình trạng sức khỏe, khuyết tật, khả năng lao động, việc làm, giáo dục và các thông tin khác của thành viên hộ gia đình khi có yêu cầu.

4. Văn phòng HĐND và UBND xã

Phối hợp chuẩn bị hội trường, tài liệu và các điều kiện cần thiết phục vụ hội nghị triển khai, tập huấn nghiệp vụ rà soát do UBND xã tổ chức.

Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí phục vụ công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông

ngiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 theo quy định.

Phối hợp với Phòng Kinh tế và các đơn vị có liên quan tham mưu bảo đảm các điều kiện phục vụ công tác rà soát theo Kế hoạch.

5. Trung tâm Cung ứng dịch vụ công

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo phương pháp tiếp cận đo lường nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030.

Tổ chức tuyên truyền rộng rãi các nội dung của Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn xã, bảo đảm thông tin được phổ biến đến Nhân dân và các tổ chức có liên quan.

Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội, Phòng Kinh tế và các thôn tuyên truyền bằng các hình thức phù hợp với điều kiện thực tế, bảo đảm nội dung tuyên truyền dễ hiểu, thiết thực và đúng quy định.

6. Công an xã

Phối hợp với Phòng Kinh tế, các phòng, ban, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin nhân khẩu, cư trú và thông tin cá nhân của các thành viên hộ gia đình thuộc diện rà soát; bảo đảm thông tin thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Chỉ đạo lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở tại các thôn phối hợp với Tổ rà soát và trưởng thôn kiểm tra, đối chiếu thông tin nhân khẩu, cư trú của hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ được rà soát, xác định có mức sống trung bình, bảo đảm chính xác, thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

Phối hợp cung cấp, xác minh thông tin thuộc phạm vi quản lý theo đề nghị của Tổ rà soát, Phòng Kinh tế và UBND xã theo quy định của pháp luật.

7. Các thôn trên địa bàn xã

Phối hợp với Phòng Kinh tế tham mưu UBND xã thành lập Tổ rà soát tại thôn. Thành phần Tổ rà soát gồm: Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn; đại diện các chi hội, đoàn thể ở thôn; thành viên lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; mời Bí thư Chi bộ tham gia. Trưởng thôn làm Tổ trưởng Tổ rà soát.

Tổ chức tuyên truyền đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, tiêu chí và quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026. Sử dụng các hình thức tuyên truyền phù hợp như họp dân, hệ thống truyền thanh, tờ rơi, niêm yết và các hình thức thông tin phù hợp khác.

Tổ chức rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chí, quy trình, tiến độ và chất lượng theo quy định.

Tổ trưởng Tổ rà soát chịu trách nhiệm tổ chức rà soát trực tiếp tại hộ gia đình; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên; chủ động phối hợp với Tổ giúp việc và lực lượng phụ trách địa bàn để được hướng dẫn, kiểm tra trong quá trình thực hiện.

Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát, thực hiện công khai kết quả theo quy định; tiếp nhận, tổng hợp các ý kiến phản ánh, kiến nghị của Nhân dân và báo cáo UBND xã xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; hoàn thiện và bàn giao đầy đủ phiếu rà soát, biên bản họp dân, danh sách và hồ sơ liên quan về UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp, lưu trữ theo quy định.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026.

Thực hiện giám sát việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn xã theo chức năng, nhiệm vụ và quy định của pháp luật.

Phối hợp với các phòng, ban, đơn vị chuyên môn và các thôn trong quá trình thực hiện; hướng dẫn Ban Công tác Mặt trận ở thôn tham gia giám sát việc rà soát, bình xét, họp dân và công khai kết quả rà soát theo quy định.

Tham gia các cuộc họp dân lấy ý kiến về kết quả rà soát tại các thôn trên địa bàn xã theo chức năng, nhiệm vụ.

9. Phân công lực lượng phụ trách các thôn

Chi tiết phân công lực lượng phụ trách các thôn thực hiện (theo Phụ lục IV) kèm theo Kế hoạch này.

Lực lượng được phân công phụ trách địa bàn có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Tổ rà soát và các đơn vị có liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác rà soát tại thôn; tập trung vào các nội dung: triển khai Kế hoạch; công tác tuyên truyền; tổ chức rà soát tại hộ; tổng hợp kết quả; tổ chức họp dân; công khai kết quả rà soát; hoàn thiện kết quả sơ bộ, kết quả chính thức và hồ sơ, báo cáo theo quy định.

Kịp thời hướng dẫn Tổ rà soát hoặc phối hợp với Phòng Kinh tế xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo UBND xã để xem xét, chỉ đạo.

10. Đề nghị Ban Thường vụ Đảng ủy xã

Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình năm 2026 trên địa bàn xã, bảo đảm công tác rà soát được thực hiện đúng đối tượng, tiêu chí, quy trình, công khai, dân chủ, khách quan, chính xác và đúng tiến độ theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống

trung bình năm 2026 trên địa bàn xã Lĩnh Toại. Yêu cầu các phòng, ban, cơ quan, đơn vị, các thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện; trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo UBND xã (qua Phòng Kinh tế) để tổng hợp, tham mưu xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã (b/c);
- Ủy ban MTTQ xã và các tổ chức thành viên (p/h);
- Các phòng, đơn vị trực thuộc UBND xã (t/h);
- Các thôn trên địa bàn xã (t/h);
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Hợp

**PHỤ LỤC III. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH GIẢM NGHÈO TRÊN ĐỊA BÀN
XÃ LĨNH TOẠI NĂM 2026(THEO CHUẨN NGHÈO CŨ)**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của UBND xã
Lĩnh Toại)*

STT	Thôn	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm công nhận cuối năm 2025)		Các chỉ tiêu giảm nghèo cuối năm 2026			Ghi chú
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ nghèo hiện có đầu năm 2026	Số hộ nghèo giảm cuối năm 2026	Số hộ nghèo cuối năm 2026	
	Tổng số	6.840	24.603	78	75	3	
1	Ngọc Thạch	714	2.528	11	10	1	
2	Nga Châu 1	462	1.531	7	7	0	
3	Nga Châu 2	416	1.414	8	7	1	
4	Thọ Nhạn	405	1.421	5	5	0	
5	Mậu Yên	483	1.691	7	7	0	
6	Vân Cô	429	1.640	2	2	0	
7	Tây Mỗ	597	2.296	6	6	0	
8	Hà Thái	557	2.090	5	5	0	
9	Cụ Thôn	422	1.509	4	4	0	
10	Hà Phú 2	440	1.707	4	4	0	
11	Hà Toại	623	2.191	1	1	0	
12	Nam Thạch	470	1.711	3	3	0	
13	Hà Hải	451	1.647	10	9	1	
14	Yên Tùng	369	1.194	5	5	0	
	Tổng cộng	6.840	24.603	78	75	3	

**PHỤ LỤC IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ PHỤ TRÁCH ĐỊA BÀN CÁC
THÔN THỰC HIỆN CÔNG TÁC RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO,
HỘ THOÁT NGHÈO, XÁC ĐỊNH HỘ LÀM NÔNG LÂM NGƯ NGHIỆP CÓ
MỨC SỐNG TRUNG BÌNH NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ LĨNH TOẠI**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của UBND xã
Lĩnh Toại)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Lê Văn Hợp	PCT. UBND xã	Phụ trách chung
2	Ông Đỗ Ngọc Oai	Trưởng phòng Kinh tế	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Vân Cô
3	Ông Nguyễn Bảo Trung	Phó trưởng phòng Kinh tế	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Thọ Nhạn
4	Ông Cù Huy Hóa	Trưởng Công an xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Nga Châu 1
5	Ông Vũ Đức Hùng	CVP HĐND và UBND xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Hà Thái
6	Ông Trương Văn Thùy	Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Hà Hải
7	Bà Nguyễn Kim Chung	Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Mậu Yên
8	Bà Uông Thị Thủy	Chủ tịch UBMTTQ xã	
9	Ông Lê Viết Định	Phó ban KT-XH, HĐND xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Yên Tùng
10	Ông Nguyễn Văn Hân	PCV HĐND và UBND xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Nga Châu 2
11	Bà Trịnh Thị Hường	Phó ban VH-XH, HĐND xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Hà Toại
12	Bà Tống Thị Hoa Hồng	Phó trưởng phòng Văn hóa - Xã hội	
13	Bà Lê Thị Huệ	PCT UB MTTQ, CT Hội PN xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Nam Thạch
14	Ông Nguyễn Văn Thanh	PCT UB MTTQ, Bí thư đoàn xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Hà Phú 2
15	Ông Vũ Văn Lan	PCT UB MTTQ, CT HĐND xã	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Ngọc Thạch
16	Ông Vũ Văn Hùng	PCT UB MTTQ, CT	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Tây Mỗ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
		HCCB xã	
17	Ông Trịnh Văn Hưng	PGĐ Trung tâm cung ứng dụng dịch vụ công	Chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thôn Hà Phú 1
18	Bà: Nguyễn Thị Hoa	PGĐ. TT phục vụ Hành chính công	

PHỤ LỤC V

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 – 2025 (theo chuẩn cũ)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của UBND xã
Lĩnh Toại)

1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều, chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

1.1. Tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Tiêu chí thu nhập:

Khu vực nông thôn: 1.500.000 đồng/người/tháng.

b) Tiêu chí mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản

- Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: Việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

- Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: Việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Chuẩn hộ nghèo

Khu vực nông thôn: Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Chuẩn hộ cận nghèo

Khu vực nông thôn: Hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Đối tượng rà soát

- Toàn bộ hộ gia đình nằm trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 do UBND xã Lĩnh Toại đang quản lý.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

3. Phương pháp rà soát, xác định tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg)

- Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là phương pháp khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

- Điểm đo lường thu nhập bình quân đầu người (điểm B1): Khu vực nông thôn: 140 điểm tương ứng với 1.500.000 đồng/người/tháng.

- Điểm đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (điểm B2): 10 điểm tương ứng với 01 chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

b) Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

- Hộ nghèo (khu vực nông thôn): Hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 \geq 30$ điểm.

- Hộ cận nghèo (khu vực nông thôn): Hộ có điểm $B1 \leq 140$ điểm và điểm $B2 < 30$ điểm.

PHỤ LỤC VI

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 – 2030 (theo chuẩn mới)

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của UBND xã
Lĩnh Toại)

1. Tiêu chí đo lường chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027 - 2030:

1.1. Tiêu chí đo lường

a) Tiêu chí thu nhập:

Ở khu vực nông thôn: thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình là 2.200.000 đồng/người/tháng.

b) Chiều, chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản: gồm 6 chiều, 12 chỉ số

Chiều thiếu hụt việc làm gồm: chỉ số việc làm, chỉ số người phụ thuộc trong hộ gia đình.

Chiều thiếu hụt y tế gồm: chỉ số bảo hiểm y tế, chỉ số dinh dưỡng.

Chiều thiếu hụt giáo dục gồm: chỉ số trình độ giáo dục của người lớn, chỉ số tình trạng đi học của trẻ em.

Chiều thiếu hụt nhà ở gồm: chỉ số diện tích nhà ở bình quân đầu người, chỉ số chất lượng nhà ở.

Chiều thiếu hụt thông tin gồm: chỉ số sử dụng dịch vụ viễn thông, dịch vụ số cơ bản.

Chiều thiếu hụt nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường gồm: chỉ số nguồn nước sinh hoạt, chỉ số nhà tiêu (công trình phụ) hợp vệ sinh, chỉ số xử lý rác thải.

1.2. Chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2027-2030

a) Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ gia đình cư trú ở khu vực nông thôn, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.200.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

2. Đối tượng rà soát

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn xã Lĩnh Toại tại thời điểm rà soát.
- Hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định.

3. Phương pháp rà soát, xác định tiêu chí đo lường nghèo đa chiều

Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 là phương pháp xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo thông qua chấm điểm tài sản, điều kiện sống, thông tin thành viên của hộ gia đình để ước lượng mức thu nhập bình quân đầu người và đo mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình quy định tại Điều 4 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2.4. Quy trình rà soát hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo

- Quy trình rà soát định kỳ hằng năm được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Quy trình rà soát trong năm được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

a) Người thực hiện rà soát sử dụng Phiếu B1 , Phiếu B2 , Phiếu C 4

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, tính điểm Đ từ Phiếu B1 và số thiếu hụt TH từ Phiếu B2, thực hiện phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo như sau:

- Hộ nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH từ 03 chỉ số trở lên;

- Hộ cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm Đ từ 190 điểm trở xuống và có số thiếu hụt TH dưới 03 chỉ số;

- Hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị được xác định không thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Hộ thoát nghèo là hộ có điểm Đ trên 190 điểm ở khu vực nông thôn hoặc trên 280 điểm ở khu vực đô thị, trước thời điểm rà soát thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn cấp xã.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC MẪU PHIẾU A, B1, B2, C
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 9 năm 2026 của UBND xã
Lĩnh Toại)

I. QUY ƯỚC CHUNG

1. Hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

Hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú.

2. Thành viên của hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Thành viên của hộ gia đình thuộc diện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, cha, mẹ, vợ, chồng, con (con ruột, con nuôi hợp pháp, con dâu, con rể), anh ruột, chị ruột, em ruột, cháu ruột cùng ăn, ở chung và đóng góp chi tiêu chung của hộ gia đình.

b) Các thành viên đã thay đổi tình trạng cư trú hoặc không đáp ứng quy định của pháp luật về cư trú không được tính là thành viên của hộ gia đình.

3. Việc làm

Người làm từ 02 công việc khác nhau trở lên thì chọn công việc chiếm nhiều thời gian nhất hoặc thu nhập nhiều nhất.

4. Nhà ở

a) Nhà ở là nơi hộ gia đình đang ở theo quy định của pháp luật về cư trú (không phân biệt nhà ở đi thuê hoặc được cho ở nhờ).

b) Nhà ở gồm 03 bộ phận chủ yếu: nền/móng, khung/tường và mái.

c) Nhà ở kiên cố là nhà có từ 02 bộ phận đáp ứng quy định nhà ở “3 cứng” theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng, được đánh giá theo các chỉ tiêu tại Số thứ tự 7 Phiếu B1.

d) Tổng diện tích nhà ở là diện tích của tất cả các nhà thành viên hộ gia đình đang ở (không phân biệt tình trạng nhà), không bao gồm diện tích: nhà tắm, nhà vệ sinh, bếp, kho, nơi kinh doanh/cho thuê; diện tích gác xép được tính bằng 50% diện tích nhà ở.

đ) Diện tích ở bình quân đầu người được tính bằng tổng diện tích nhà ở chia cho tổng số thành viên trong hộ gia đình.

5. Tiêu thụ điện

Mức tiêu thụ điện bình quân 01 tháng của hộ gia đình tính bằng mức tiêu thụ bình quân theo hóa đơn tiền điện trong 12 tháng gần nhất hoặc mức tiêu thụ điện của tháng gần nhất.

Nếu hộ gia đình sử dụng điện không sử dụng điện lưới hoặc chung công tơ với hộ gia đình khác thì ước tính lượng điện tiêu thụ trên cơ sở các thiết bị tiêu thụ điện của hộ gia đình.

6. Nước sinh hoạt

Nước đạt quy chuẩn trong sinh hoạt gồm: nước máy, nước giếng khoan, giếng đào được bảo vệ, nước khe/mỏ được bảo vệ và nước mưa, nước đóng chai bình.

7. Nhà tiêu

Nhà tiêu (công trình phụ/nhà vệ sinh/hố xí) bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn gồm:

a) Nhà tiêu tự hoại, bán tự hoại.

b) Nhà tiêu thấm dột nước (Suilabh) và nhà tiêu cải tiến có ống thông hơi (VIP), nhà tiêu hai ngăn.

Quy chuẩn để phân loại các loại nhà tiêu theo quy định của Bộ Y tế tại Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011.

8. Tài sản của hộ gia đình

Tài sản là tài sản hộ gia đình đang sử dụng hoặc bị hỏng nhưng có khả năng sửa chữa được, không phân biệt do tự mua, được cho, biếu, tặng.

9. Diện tích đất đai

Diện tích đất đai của hộ gia đình gồm diện tích đất đai mà hộ gia đình có quyền sử dụng hoặc đi thuê để khai thác, sử dụng. Diện tích đất đai mà hộ gia đình cho thuê thì được tính cho cả hộ cho thuê và hộ đi thuê.

II. NHẬN DẠNG NHANH ĐẶC ĐIỂM HỘ GIA ĐÌNH

Phiếu A dùng để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo và nhận dạng trường hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo đang quản lý có khả năng thoát nghèo. Không sử dụng riêng Phiếu A để công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

1. Phiếu A được sử dụng: đánh số theo thứ tự từ 1 đến hết cho mỗi địa bàn thôn/tổ/ấp vào dòng **Tờ số ... /... N**, trong đó N là tổng số Phiếu A tại địa bàn.

Ví dụ: một thôn sử dụng 2 Phiếu A: đánh 1/2 ở tờ thứ nhất và 2/2 ở tờ thứ 2.

2. Địa chỉ của hộ gia đình gồm: ghi rõ tên tỉnh/thành phố, xã/phường/đặc khu và mã theo bảng mã hành chính của Cục Thống kê.

Thông tin về thôn/tổ dân phố: ghi rõ tên; ghi mã theo thứ tự từ 1 đến hết.

3. Cột A - STT: Ghi số thứ tự của hộ gia đình trong thôn, tổ từ 1 tới N, trong đó N là tổng số hộ gia đình tại thôn/tổ được rà soát Phiếu A.

Cột B - Họ và tên chủ hộ: viết in hoa theo tên trên thẻ Căn cước/CCCD.

Nếu có từ 02 chủ hộ trùng họ và tên trên địa bàn thì ghi thêm số thứ tự vào sau tên chủ hộ.

Ví dụ: 2 chủ hộ cùng tên Nguyễn Văn Sĩ, hộ đầu tiên ghi là Nguyễn Văn Sĩ (1), hộ thứ hai ghi là Nguyễn Văn Sĩ (2).

Cột C - Ngày rà soát: ghi ngày đến thu thập thông tin tại hộ gia đình.

Cột 0 - Nhận dạng nhanh: Hộ không thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo là hộ có một trong 05 điều kiện ở phần Ghi chú của Phiếu A, ghi mã 0.

Hộ thuộc đối tượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, rà soát viên ghi mã 1, tiếp tục rà soát thông tin từ cột 1 đến cột 9.

Cột D - Tổng số: Ghi tổng số mã 1 từ cột 1 đến cột 9.

Cột G - Chữ ký và xác nhận của hộ gia đình: hộ gia đình đã qua rà soát phải cử đại diện ký tên xác nhận. Trường hợp hộ gia đình không ký được tên thì có thể điểm chỉ xác nhận.